TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-7-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị S, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 233/40A, đường L, tổ 2, khu phố 8, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 233/40A, đường L, tổ 2, khu phố 8, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị S trình bày:

Bà Hồ Thị S và ông Trần Văn H là vợ chồng, đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Ninh Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 188, quyển số 01 ngày 11 tháng 02 năm 2011. Thời gian đầu sau khi kết hôn, bà S và ông H chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn. Mặc dù sống chung trong gia đình nhưng bà S và ông H không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng nhau thực hiện công việc chung trong gia đình. Nhận thấy tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà S khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà S và ông H có 03 con chung tên Trần Mai Tố U, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2011; Trần Xuân Q, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2013 và Trần Mai Yến N, sinh ngày 15 tháng 5 năm 2019. Khi ly hôn, bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn H được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H không đến Tòa án nhân dân thành phố T làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án, vì vậy Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bị đơn ông H về việc giải quyết vụ án.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày ngày 04 tháng 4 năm 2023, cháu Trần Xuân Q trình bày: Cháu Q đang học tại Trường Tiểu học P thuộc phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Cháu Q thương cả ba và mẹ nhưng Cháu Q muốn được sống cùng với mẹ, chị gái và em gái.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày ngày 03 tháng 5 năm 2023, cháu Trần Mai Tố U trình bày: Cháu U đang học tại Trường Trung học Cơ sở P thuộc phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Cháu U thương cả ba và mẹ nhưng Cháu U muốn được ở cùng với mẹ và 02 em.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vi phạm nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy mâu thuẫn giữa bà S và ông H đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung: Bà S và ông H có 03 con chung tên Trần Mai Tố U, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2011; Trần Xuân Q, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2013 và Trần Mai Yến N, sinh ngày 15 tháng 5 năm 2019. Cháu U là có giới tính nữ, đang độ tuổi phát triển tâm sinh lý; cháu N chỉ mới hơn 4 tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ nên việc giao cháu U, cháu N cho bà S nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu Q, cháu Q có nguyện vọng được sống cùng với bà S và các chị em được sống cùng với nhau. Ông H làm công việc tài xế, thường xuyên chạy xe và ít có thời gian ở nhà. Nhận thấy việc giao 03 con chung của bà S và ông H cho bà S nuôi dưỡng là đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của cháu U, cháu Q và cháu N. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của bà S về việc không yêu cầu ông H cấp

dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông H nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông H đang cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[1.3] Nguyên đơn bà S có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt, bị đơn ông H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa vào các ngày 19 tháng 6 năm 2023 và 06 tháng 7 năm 2023 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà S và ông H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà S và ông H tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Ninh Bình và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 188, quyển số 01 ngày 11 tháng 02 năm 2011. Hôn nhân của bà S và ông H là hợp pháp.

Bà S cho rằng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không tìm được tiếng nói chung; bà S và ông H mặc dù sống chung trong gia đình nhưng cả hai không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau thực hiện các công việc chung trong gia đình; do đó bà S khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông H.

Hội đồng xét xử xét thấy qua xác minh tại địa phương để xác định nguyên nhân mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của vợ chồng bà S và ông H thì địa phương không rõ vì vợ chồng bà S và ông H không trình báo với địa phương về vấn đề mâu thuẫn gia đình. Tuy nhiên thực tế, tình cảm vợ chồng giữa bà S và ông H đã không còn nên bà S mới khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông H; ông H được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng, cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án, chứng tỏ ông H cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà S. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà S và ông H đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn; mục đích hôn nhân giữa bà S và ông H không đạt được. Do đó yêu cầu của bà S về việc

được ly hôn với ông H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà S và ông H có 03 con chung tên Trần Mai Tố U, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2011; Trần Xuân Q, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2013 và Trần Mai Yến N, sinh ngày 15 tháng 5 năm 2019. Khi ly hôn, bà S yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 04 tháng 4 năm 2023 và ngày 03 tháng 5 năm 2023, cháu U và cháu Q có nguyện vọng được sống cùng với bà S, được bà S chăm sóc và nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy cháu U là có giới tính nữ, đang độ tuổi phát triển tâm sinh lý còn cháu N còn rất nhỏ, chỉ mới hơn 4 tuổi; cháu Q có nguyện vọng được sống cùng với mẹ, chị gái và em gái. Ông H có công việc là tài xế, thường xuyên chạy xe, thời gian chăm sóc con chung không có. Quá trình giải quyết vụ án, ông H cũng không có ý kiến về việc có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung hay không. Do đó, để đảm bảo sự điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của cháu U, cháu Q, cháu N; đồng thời tạo điều kiện cho các cháu được sống cùng với nhau, cùng yêu thương, chăm sóc nhau thì cần giao cháu U, cháu Q, cháu N cho bà S nuôi dưỡng. Bà S yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà S về việc không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị S đối với bị đơn ông Trần Văn H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị S được ly hôn với ông Trần Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Trần Mai Tố U, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2011; Trần Xuân Q, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2013 và Trần Mai Yến N, sinh

ngày 15 tháng 5 năm 2019 cho bà Hồ Thị S trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hồ Thị S về việc không yêu cầu ông Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Hồ Thị S và ông Trần Văn H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được quyền cản trở. Trường hợp ông Trần Văn H lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con của bà Hồ Thị S thì bà Hồ Thị S có quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom con của ông Trần Văn H theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt vấn đề giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hồ Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0002433 ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Ninh Bình;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hằng